TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số **123**/2017/QĐST-HNGĐ	*Bù Gia Mập, ngày 27 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 155/2017/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1981

Bị đơn: Ông Chẩu Văn Tr, sinh năm 1966

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn Ch, sinh năm 1972

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (Đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Ch)

3. Anh Chẩu Văn Đ, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị M, sinh năm 1981 và ông Chẩu Văn Tr, sinh năm 1966 cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị M và ông Chẩu Văn Tr tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông Chẩu Văn Tr và bà Hoàng Thị M thống nhất giao con chung Chẩu Thị H, sinh ngày 19/01/2002 cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Bà M đồng ý cấp dưỡng nuôi người con chung Chẩu Thị H bằng số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01tháng tính từ ngày 13/12/2017 cho đến khi con chung Chẩu Thị H đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được bà M thực hiện hàng tháng.

Đối với người con chung Chẩu Văn Đ sinh ngày 31/5/1999 đã thành niên nên ông Tr và bà M không yêu cầu giải quyết gì đối với người con này.

Bà M được quyền đi lại thăm nom con chung là Chẩu Thị H mà không ai được ngăn cản.

2.3 Về tài sản chung:

Ông Chẩu Văn Tr và bà Hoàng Thị M thống nhất chia đôi tài sản chung như sau:

2.3.1 Bà Hoàng Thị M được quyền sử dụng tài sản gồm:

+ Phần diện tích đất vườn điều 9.110,2 m^2 tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có vị trí tứ cận:

- Phía Bắc giáp đất Ngô Văn C, Điểu M;
- Phía Nam giáp đất Điểu K;
- Phía Đông giáp đất Vi Văn T;
- Phía Tây giáp phần vườn của ông Chẩu Văn Tr;

Tài sản gắn liền với đất có 282 cây điều trồng năm 2000. Giá trị phần tài sản này là 506.920.000 đồng.

+ Một nửa giá trị diện tích nhà đất 699,7 m^2 tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước bằng số tiền là 63.964.150 đồng.

Tổng giá trị phần tài sản bà M được hưởng là 570.884.150 đồng.

2.3.2 Ông Chẩu Văn Tr được quyền sử dụng tài sản gồm:

+ Phần diện tích đất vườn điều 9.110,2 m^2 tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có vị trí tứ cận:

- Phía Bắc giáp đất Điểu L, Điểu M;
- Phía Nam giáp đất Điểu K;
- Phía Đông giáp đất vườn bà Hoàng Thị M;
- Phía Tây giáp đất Điểu Thị P, Điểu Ch;

+ Tài sản gắn liền với đất có 282 cây điều trồng năm 2000. Gía trị phần tài sản này là 506.920.000 đồng.

+ Diện tích đất 699,7 m^2 tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có vị trí tứ cận:

. - Phía Bắc giáp đất ông Đ;
- Phía Nam giáp đất ông K;
- Phía Đông giáp hành lang bảo vệ suối;
- Phía Tây giáp hành lang lộ giới đường thôn;

Tài sản gắn liền với đất gồm có: 01 căn nhà xây năm 2006, diện tích 44 m^2. Kết cấu: nền xi măng, mái lợp tôn, đòn tay gỗ, tường xây gạch không tô trát, cửa kính sắt; 01 giếng đào năm 2006 sâu 10m, đường kính 90 cm, miệng xây nắp bê tông; 15 trụ dây tiêu sống trồng năm 2016; 21 trụ gỗ dây tiêu trồng năm 2007; 69 trụ cây gỗ. Giá

trị phần tài sản này là 127.928.300 đồng.

Tổng giá trị phần tài sản ông Chẩu Văn Tr được hưởng là 570.884.150 đồng cộng với một nửa phần giá trị tài sản chênh lệch của diện tích đất nhà 699,7 m^2 là 63.964.150 đồng bằng tổng cộng 634.848.300 đồng.

Ông Tr có nghĩa vụ trả cho bà M một nửa giá trị phần tài sản nhà đất 699,7 m^2 nêu trên bằng số tiền 63.964.150 đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 13/12/2017 đến ngày 13/01/2018.

2.3.3 Ông Chẩu Văn Tr, bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất được phân chia.

2.3.4. Ông Chẩu Văn Tr và anh Chẩu Văn Đ cùng thống nhất với bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Văn Ch về việc ông Tr và anh Đ đồng ý cho bà L, ông Ch tiếp tục thuê khoán phần vườn điều diện tích 9110,2 m^2 tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được chia cho ông Tr trong thời hạn từ tháng 5/2017 đến tháng 5/2021 theo hợp đồng thuê khoán tại giấy viết tay "Giấy khoán vườn điều thu" ngày 06/10/2013 mà ông Tr, anh Đ và ông Ch đã ký kết.

Về phần giá cả thuê khoán vườn và chi phí đầu tư, chăm sóc vườn điều nêu trên mà ông Ch, bà L đã bỏ ra từ năm 2013 đến năm 2017 thì ông Ch, bà L và ông Tr, anh Đ tự thỏa thuận lại với nhau nay không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần này.

2.4. Về nợ chung:

Bà Hoàng Thị M và ông Chẩu Văn Tr thống nhất nay không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đo đạc đất:

Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định; định giá tài sản và đo đạc đất là 14.748.338 đồng bà Hoàng Thị M tự nguyện nộp toàn bộ, được trừ vào số tiền tạm ứng bà M đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo giấy biên nhận tiền ngày 30/10/2017 và biên bản thanh lý hợp đồng ngày 22/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tổng cộng là 14.748.338 đồng, bà M đã nộp đủ.

2.6. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị M chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm phần tài sản được phân chia tổng cộng là 13.717.683 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 6.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018044 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, phần án phí còn thiếu bà M tiếp tục phải nộp.

- Ông Tr chịu án phí dân sự sơ thẩm phần tài sản được phân chia là 13.417.683 đồng.

- Trả lại ông Ngô Văn Ch và bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mỗi người 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng mà ông Ch, bà L đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0018065 ngày 30/10/2017, số 0018066 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

(Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. BGM;
- Chi cục THADS H.BGM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Đại